

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206 /UBND-TN

Nhơn Trạch, ngày 09 tháng 01 năm 2025

V/v triển khai thực hiện Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

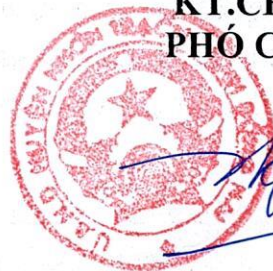
Thực hiện Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*đính kèm*), Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, nghiên cứu triển khai thực hiện Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND tỉnh theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Chánh, các PVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, TH (Ti,S).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quốc Tân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 756/TTr-STNMT ngày 23 tháng 12 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và rừng sản xuất mà loại đất được xác định theo cơ sở dữ liệu địa chính, dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp nằm ngoài 03 loại rừng đã được duyệt thì không phải áp dụng quy định tại Quyết định này.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất dưới 02 ha sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất**

Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác bao gồm:

1. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

3. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất nằm ngoài 03 loại rừng đã được duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định này làm cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang mục đích khác theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa giải quyết việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có diện tích dưới 02 ha sang mục đích khác theo thẩm quyền.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2025.

#### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS. (Phương 53 bản).

